

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NGHIÊN CỨU TỪ ĐỒNG ÂM KHÁC NGHĨA TRONG TIẾNG HÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC HIỆU QUẢ

LÃ THỊ THANH MAI* NGUYỄN THÙY DƯƠNG**

TÓM TẮT: Bài báo tập trung nghiên cứu từ đồng âm, hiện tượng đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, kết hợp nghiên cứu tài liệu để chỉ ra các từ đồng âm khác nghĩa và hiện tượng đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn. Từ đó giúp sinh viên học tiếng Hàn Quốc nhận biết các hiện tượng đồng âm khác nghĩa, đồng thời đưa ra những phương pháp dạy và học từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn hiệu quả.

TỪ KHÓA: Từ đồng âm khác nghĩa; hiện tượng đồng âm khác nghĩa; từ đồng âm; phân tích; so sánh đối chiếu.

NHẬN BÀI: 20/09/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 20/12/2023

1. Đặt vấn đề

Kể từ sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào tháng 12 năm 1992, Hàn Quốc và Việt Nam đã có nhiều hoạt động giao lưu trên các lĩnh vực khác nhau. Tính đến nay, có thể thấy số lượng người Việt Nam học tiếng Hàn cũng như người Hàn học tiếng Việt ngày càng tăng theo thời gian, chính vì thế, cần có thêm nhiều hơn nữa những nghiên cứu về cả hai ngôn ngữ này.

Từ đồng âm là những từ trùng nhau về hình thức ngữ âm nhưng khác nhau về nghĩa. Đồng âm là một hiện tượng phổ biến trong hệ thống từ vựng của các ngôn ngữ. Có thể nói không một thứ tiếng nào không có hiện tượng đồng âm. Đặc biệt, trong các ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Hán... thì hiện tượng đồng âm có phần phổ biến hơn so với các ngôn ngữ Ấn - Âu. Từ đồng âm trong tiếng Hàn hay tiếng Việt chiếm một khối lượng lớn trong kho tàng từ vựng tiếng Hàn, vì vậy, trong quá trình dạy tiếng, không thể không chú ý đến các hiện tượng đồng âm.

Hiện nay, đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn, có thể kể đến như “Nghiên cứu về từ đồng âm Hán Hàn - Hán Việt” của Lý Kinh Hiền¹, “Nghiên cứu về phương án giáo dục từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa” của Mai Như Nguyệt². Tuy nhiên, các nghiên cứu trên mới chỉ tập trung phân tích một số khía cạnh như yếu tố cấu thành hoặc loại hình của từ đồng âm khác nghĩa của từ thuần Hàn hoặc từ đồng âm khác nghĩa trong từ tiếng Hàn gốc Hán. Tuy nhiên, còn thiếu những nghiên cứu về từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn ở mức độ khái quát hơn.

Người Việt Nam học tiếng Hàn hiện nay còn gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng các từ đồng âm do chưa hiểu rõ về chúng cũng như có sự ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ dẫn đến khó khăn trong giao tiếp.

Để giải quyết vấn đề nêu trên, bài viết sử dụng tiền đề của những nghiên cứu đi trước kết hợp với thống kê phân tích, đối chiếu, điều tra, qua đó đưa ra cái nhìn cụ thể hơn về từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn để thấy được những khó khăn, vướng mắc của người học khi sử dụng chúng. Từ đó giúp người Việt Nam học tiếng Hàn có thêm hiểu biết liên quan đến từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn. Đồng thời, bài viết cũng đưa ra những phương pháp dạy và học hiệu quả, phương pháp học tập theo mô hình giai đoạn cùng với phiếu từ vựng.

2. Từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn

2.1. Khái niệm về từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn

Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau. Ví dụ, từ '눈' trong '눈이 아프다'- đau mắt và từ '눈' trong '눈이 내린다'- tuyết rơi, từ 눈 đầu tiên mang ý nghĩa là một bộ phận của cơ thể người, còn từ 눈 thứ hai chỉ các tinh thể băng ở trên các đám mây rơi xuống, do đó, hai từ phát âm giống nhau nhưng không có mối quan hệ nào về nghĩa, vì vậy chúng là từ đồng âm và được cho là có quan hệ đồng âm khác nghĩa.

*TS; Trường Đại học Đại Nam; Email: lathanhmai77@gmail.com

**Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội; Email: Nguyenthuyduong220586@gmail.com

2.2. Phân loại từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn

Phân loại từ đồng âm khác nghĩa theo gốc Hán tự và từ đồng âm khác nghĩa theo từ thuần Hàn.

2.2.1. Từ đồng âm khác nghĩa chứa gốc Hán tự

Từ đồng âm khác nghĩa chứa gốc Hán tự được chia làm hai loại chính là 동음이철어 và 동음동철어

동음이철어 là những từ đồng âm có phát âm giống nhau nhưng cách viết khác nhau. 동음이철어 chiếm hơn một nửa số lượng từ trong Hán tự. Ví dụ, ta có cặp từ đồng âm khác nghĩa 압맥 và 암맥, hai từ này có phát âm giống nhau [암맥]

'압맥 [壓麥]' – tên loại gạo do hiện tượng mũi hóa các âm tổ nên /ㅁ/ gặp âm mũi /ㅁ/ và cách phát âm trở thành [암맥], nên cách phát âm giống như '암맥' (từ ngữ dùng trong địa chất). Vì vậy, nó gây ra mâu thuẫn giữa các từ và trở thành từ đồng âm.

동음동철어 là những từ có cách phát âm, cách viết và Hán tự giống nhau, nhưng có ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Số lượng từ 동음동철어 ít hơn hẳn so với 동음이철어³. Hầu hết 동음동철어 đều là từ có số lượng 2 âm tiết, chứ ít xuất hiện ở từ có số lượng từ 3 âm tiết trở lên. Có thể lấy ví dụ với từ 아몽- chỉ những đứa trẻ nhỏ tuổi đều có cách viết Hán tự là [阿蒙], một từ để chỉ người không có sự phát triển và có ít kiến thức, ngoài ra cũng có trường hợp có cùng cách viết và âm Hán tự như vậy nhưng lại dùng để chỉ những đứa trẻ nhỏ tuổi⁴.

2.2.2. Từ đồng âm khác nghĩa thuần Hàn

2.2.2.1. Phân loại từ đồng âm theo hiện tượng âm vận

Các từ đồng âm trong tiếng Hàn cũng có thể được chia theo hiện tượng âm vận. Theo đó, sẽ có 3 loại nhỏ: quy tắc nối âm, hiện tượng vòm âm hóa và quy tắc đọc phụ âm cuối.

Thứ nhất, từ đồng âm theo quy tắc nối âm là những từ được phát âm giống nhau nhưng nghĩa của chúng không liên quan với nhau do quy luật biến đổi về mặt âm vị học. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể phân loại từ đồng âm khác nghĩa theo từ loại. Ví dụ 걸음 (bước đi) và 거름 (phân bón) là hai từ đồng âm khác nghĩa có cách phát âm giống nhau nhưng cách viết khác nhau. Hai từ có phát âm giống nhau bởi từ 걸음 có patchim ㅁ khi gặp âm tiết đằng sau là 음 theo quy tắc nối âm được phát âm là [거름]. Đồng âm dựa trên hiện tượng nối âm còn xuất hiện ở từ có 3 và 4 âm tiết, có các ví dụ của cặp từ như 다리다 (úi, là), 달이다 (đun sôi) và 들어내다 (lấy ra), 드리내다 (phô bày).

Hiện tượng đồng âm khác nghĩa còn xảy ra bởi hiện tượng vòm âm hóa. Xét ví dụ với 거치다 (vướng vào) và 견히다 (được xếp gọn). Hiện tượng vòm âm hóa xảy ra với từ 견히다, khi patchim ㅈ gặp âm tiết ㅎ, ta phát âm từ đó thành (거치다). Hai từ có cách phát âm giống, tuy nhiên khác nhau về cách viết và nghĩa.

Quy tắc đọc phụ âm cuối cũng tạo nên hiện tượng đồng âm khác nghĩa. Ta thấy các từ 곧 (sắp), 곳 (nơi), 꽃 (hoa) mặc dù có cách viết và ý nghĩa khác nhau nhưng các patchim ㄷ, ㅍ, ㅈ đều được phát âm là [ㄷ].

2.2.2.2. Phân loại từ đồng âm theo từ loại

- Đồng âm cùng từ loại. Ví dụ:

깃1 [Danh từ]: lông vũ 깃2 [Danh từ]: lông chim 깃3 [Danh từ]: ổ

조바심 1 [Danh từ]: mối bận tâm 조바심 2 [Danh từ]: lo lắng.

치다 1 [Động từ]: tát, đánh 치다 2 [Động từ]: tuôn, đổ, tràn về 치다 3 [Động từ]: rắc vào, nêm vào 치다 4 [Động từ]: chấm, viết, vẽ, kẻ 치다 5 [Động từ]: tính, xem như, coi như.

곱다 1 [Tính từ]: đẹp, thanh tao 곱다 2 [Tính từ]: tẽ, cồng⁵.

Đây là những từ đồng âm khác nghĩa cùng được tạo nên bởi các từ loại: danh từ, động từ, tính từ,... Số lượng từ đồng âm khác nghĩa có sự đồng nhất về từ loại trong từ thuần Hàn được phân bổ như sau:

Ngoài ra, còn có những từ đồng âm khác nghĩa khác từ loại. Ví dụ:

쓰다 1 [Đồng từ]: dùng, sử dụng 쓰다 2 [Đồng từ]: đội, đeo

쓰다 3 [Đồng từ]: viết, ghi chép 쓰다 4 [Tính từ]: đáng

2.2.2.3. Phân loại từ đồng âm theo số lượng âm tiết

Việc xem xét từ đồng âm khác nghĩa theo số âm tiết có ý nghĩa trong việc tạo ra từ hoặc nghiên cứu cấu trúc. Từ đồng âm khác nghĩa có bao nhiêu âm tiết dường như có ý nghĩa ngữ pháp quan trọng trên nhiều phương diện. Trước tiên, nếu thống kê theo số lượng âm tiết của từ đồng âm khác nghĩa theo từ điển đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm nguyên âm, thì kết quả như sau:

Bảng 1. Phân bố từ đồng âm khác nghĩa theo số lượng âm tiết

1 âm tiết	2 âm tiết	3 âm tiết	4 âm tiết	5 âm tiết	6 âm tiết
87	230	145	39	7	4
17	44,9	28,3	7,6	1,3	0,7
Tổng: 512 từ					

[Nguồn: Từ điển từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và từ đồng âm tiếng Hàn]

Có thể thấy, số lượng từ có 2 âm tiết chiếm 44,9% trên tổng số 512, tiếp đến từ có 3 âm tiết chiếm 28%. Từ có 2 âm tiết có số lượng nhiều hơn hẳn vì chúng có cấu trúc ổn định. Còn đa số từ có 3 âm tiết trở lên là từ ghép hoặc từ phái sinh.

3. Các phương pháp dạy - học từ đồng âm khác nghĩa hiệu quả

Trên thực tế, có rất nhiều phương pháp dạy hiệu quả đối với từ đồng âm khác nghĩa, trong bài viết này, chúng tôi chỉ giới thiệu một số phương pháp tiêu biểu là: 1/Phương pháp sử dụng hình ảnh trực quan; 2/Phương pháp sử dụng quảng cáo; 3/Phương pháp học từ đồng âm khác nghĩa thông qua câu tục ngữ; 4/Phương pháp tạo lập các câu văn ngắn sử dụng từ đồng âm khác nghĩa.

3.1. Phương pháp sử dụng hình ảnh trực quan

Phương pháp phổ biến nhất của giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa là giải thích sự khác biệt bằng cách sử dụng đồ vật, con người, tòa nhà và các vật thể tự nhiên. Phương pháp này có ưu điểm là dễ dàng so sánh và giải thích ý nghĩa của các từ đồng âm khác nghĩa và là phương pháp dễ tiếp nhận nhất cho người mới bắt đầu vì người học dễ dàng nhận ra nghĩa của từ một cách trực quan kết hợp với văn bản.

3.2. Phương pháp sử dụng quảng cáo

Phương pháp giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa sử dụng quảng cáo có thể áp dụng ở các lớp trung cấp trở lên. Hiện thị quảng cáo trước khi bắt đầu bài học sẽ giúp người học tăng thêm thú học tập. Sau khi xem quảng cáo, thường có phần hỏi đáp với người học về các từ đồng âm xuất hiện trong quảng cáo. Ví dụ, giáo viên có thể nêu câu hỏi để học sinh phân biệt từ 뛴다 xuất hiện trong quảng cáo <가슴이 뛴다 올레가 뛴다>, (Lòng ngực đập nhanh, Olleh nhảy vọt) sau khi học sinh đưa ra suy nghĩ của bản thân, giáo viên sẽ giải thích ý nghĩa của từ 뛴다 xuất hiện trong đoạn quảng cáo. Bằng cách này, sẽ khơi dậy sự quan tâm, chú ý của người học đối với từ đồng âm được học.

3.3. Phương pháp học từ đồng âm khác nghĩa thông qua câu tục ngữ

Trong việc học các từ đồng âm khác nghĩa, người học có thể tìm thấy trong các câu tục ngữ khác nhau, có thể khám phá ra sự thú vị của các câu tục ngữ và biết sử dụng các từ đồng âm theo nhiều cách khác nhau. Ngoài ra, có thể tăng hiệu quả học tập bằng cách học đồng thời các câu tục ngữ và từ đồng âm khác nghĩa mà người học đang gặp khó khăn. Thông thường, phương pháp này phù hợp với người học ở trình độ trung cấp trở lên.

Xét các ví dụ sau:

- 무쇠도 갈면 바늘이 된다. (Có công mài sắt có ngày nên kim)
- 돛자리는 갈아맬수록 좋다. (Đồ vật càng mới càng tốt)

Đây là hai câu tục ngữ có chứa cặp từ đồng âm khác nghĩa 같다. Thông qua việc tìm hiểu các nét nghĩa của từ 같다, người học sẽ có thể hiểu rõ hơn về hai câu tục ngữ trên. Từ 같다 trong câu thứ nhất có nghĩa là mãi dũa, từ 같다 thứ hai mang nghĩa mãi dũa.

3.4. Phương pháp tạo lập các câu văn ngắn sử dụng từ đồng âm khác nghĩa

Xây dựng các câu văn ngắn là phương pháp học từ vựng cho phép người học học các từ đồng âm khác nghĩa và viết các câu văn ngắn sử dụng các từ đó. Phương pháp này thường được sử dụng trong giáo dục từ vựng. Qua việc tạo lập các câu văn ngắn, giúp người học hiểu rõ hơn nghĩa của từ và biết cách sử dụng chúng một cách chính xác. Thông thường, một từ được trình bày và sau đó một câu văn ngắn được tạo bằng từ đó, nhưng trong một số trường hợp, một văn bản ngắn có thể được tạo bằng nhiều từ. Thông thường, các đoạn văn ngắn chỉ sử dụng một từ đồng âm, nhưng xét về trình độ của người học, có trường hợp có thể trình bày cặp từ đồng âm, sau đó sử dụng biện pháp đặt chúng thành một câu. Ví dụ:

눈: 01 - 한국 사람의 눈은 까매요. (Mắt của người Hàn Quốc màu đen)

02 - 내일 눈이 올 거예요. (Ngày mai tuyết sẽ rơi)

4. Thiết kế nội dung giảng dạy

4.1. Nội dung học và giảng dạy tổng quát

Bảng 2. Thiết kế nội dung dạy và học từ đồng âm khác nghĩa

Giai đoạn	Hoạt động dạy và học		Tài liệu và lưu ý
	Giáo viên	Học sinh	
Mở đầu (5 phút)	- Dẫn dắt gợi ý liên quan đến từ vựng của buổi học. - Đưa ra mục tiêu học tập.	Tham gia cùng giáo viên trong hoạt động dẫn dắt vào bài học.	PPT
Triển khai (40 phút)	- Đưa ra ví dụ sử dụng từ đồng âm khác nghĩa và yêu cầu học sinh dự đoán nghĩa. - Hướng dẫn hoạt động học từ vựng theo Mô hình từng giai đoạn - Hoạt động luyện tập: Hướng dẫn học sinh tạo lập câu văn ngắn sử dụng từ đồng nghĩa đã học và phát biểu. - Đưa ra ví dụ sử dụng từ đồng âm khác nghĩa.	- Đọc câu văn - Tìm từ đồng âm, dự đoán nghĩa. - Tạo lập câu văn ngắn và phát biểu trước lớp.	PPT, thẻ từ vựng, sổ tay từ vựng
Kết thúc (5 phút)	- Tóm tắt và củng cố lại kiến thức của bài học - Giao bài tập về nhà	Xác nhận lại nội dung bài tập về nhà	Nội dung PPT

Việc thiết kế giảng dạy và học từ đồng âm khác nghĩa giúp học sinh tiếp cận bài học một cách dễ dàng hơn. Mô hình được chia làm 3 giai đoạn: Tiếp cận toàn thể, tiếp cận bộ phận và tiếp cận tổng hợp. Ở giai đoạn tiếp cận toàn thể, người học chủ yếu xem xét vấn đề ở góc nhìn tổng quát nhất và đưa ra những phán đoán. Đối với giai đoạn tiếp, theo người học tiếp cận một cách cụ thể hơn, xem xét từng khía cạnh của câu văn chứa từ đồng âm khác nghĩa. Đối với giai đoạn tiếp cận tổng hợp, người học sẽ khái quát lại toàn bộ vấn đề đã được học và đưa ra kết luận.

Bảng 3. Mô hình từng giai đoạn

Giai đoạn	Vấn đề học tập	Hoạt động dạy và học
-----------	----------------	----------------------

Tiếp cận toàn thể	<Đưa ra cái nhìn tổng quan> - Đọc câu văn - Nắm bắt nội dung trọng tâm - Phát hiện từ đồng âm	Tìm từ đồng âm và đoán nghĩa của chúng
Tiếp cận bộ phận	<Trọng tâm> Phân tích nội dung thông qua các từ vựng trọng tâm và các từ vựng liên quan	Nhận diện ý nghĩa của từ đồng âm và đối chiếu với ngữ cảnh
Tiếp cận tổng hợp	<Tổng hợp> Đưa ra ý nghĩa của từ đồng âm	Sắp xếp lại ý nghĩa và ứng dụng <i>Sổ tay từ vựng</i>

Bảng 4. Sổ tay từ vựng

Từ vựng	Ví dụ: 이상	
Câu văn có chứa từ vựng	: 저는 냉장고 이상이 있는지 보고 있어요.	
Đ đoán nghĩa	Vấn đề, trục trặc	
Ý nghĩa	Ý nghĩa trong từ điển	Trở lên, sự kì lạ, khác thường,
	Ý nghĩa trong ngữ cảnh	Vấn đề, trục trặc
Dịch câu	Tôi đang xem tủ lạnh có trục trặc gì không.	
Ứng dụng	Xây dựng câu văn ngắn	Học sinh có thể tạo lập câu từ 이상

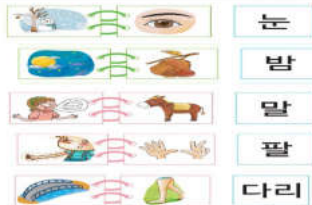
Sổ tay từ vựng có thể được ứng dụng trong hoạt động học từ vựng một cách hiệu quả. Sử dụng sổ tay từ vựng giúp học sinh có cái nhìn khái quát về toàn bộ nội dung đã học và có thể nhớ lâu hơn. Việc đưa ra ý nghĩa trong ngữ cảnh là một cách để học sinh có sự linh hoạt hơn khi sử dụng từ vựng và đạt hiệu quả cao trong giao tiếp. Học sinh sẽ nhớ lâu hơn, đồng thời giáo viên có thể xác nhận được mức độ hiệu quả của bài thông qua việc xây dựng những câu văn ngắn.

4.2. Nội dung giảng dạy cho các cấp độ

4.2.1. Nội dung giảng dạy cho trình độ sơ cấp

Khi giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa cho người mới bắt đầu, độ khó của nội dung bài học cần được điều chỉnh phù hợp với trình độ tiếng Hàn của người học. Khi tiến hành dạy các lớp học về từ đồng âm khác nghĩa dành cho người mới bắt đầu, cần chọn và dạy những từ dễ trước. Kế hoạch giảng dạy cho lớp học về từ đồng âm khác nghĩa trình độ sơ cấp được thực hiện như sau:

Bảng 5. Nội dung giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa trình độ sơ cấp

		Đối tượng người học	Thời gian
Mục tiêu học tập		Trình độ sơ cấp	1 tiết học (50 phút)
Nội dung học	- Hiểu về khái niệm từ đồng âm khác nghĩa. - Nắm được các cặp từ đồng âm		
	Nội dung và hoạt động dạy và học từ đồng âm.	Phương pháp giảng dạy	Tài liệu giảng dạy
Dẫn nhập (5p)	1. Đưa ra hình ảnh, và hỏi về bộ phận nào trên ảnh.  Đưa ra câu hỏi và gợi ý cho học sinh trả lời bằng tiếng Hàn về bộ phận trên khuôn mặt nào xuất hiện trên hình ảnh. 2. Đưa ra hình ảnh và đưa ra câu hỏi về thứ đang rơi.  Đưa ra câu hỏi và gợi ý học sinh trả lời bằng tiếng Hàn. 3. Đưa ra nội dung về khái niệm từ đồng âm khác nghĩa. Từ đồng âm khác nghĩa là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau.	Sử dụng các tài liệu trực quan, đặt câu hỏi về những gì sẽ học hôm nay, tạo hứng thú để người học tham gia tốt vào lớp học và tạo sự kết nối giữa người dạy và người học.	PPT
Nội dung chính	1. Đưa ra hình ảnh các cặp từ vựng và giải thích nghĩa	Sử dụng tranh để nói nghĩa của từ vựng và luyện đọc lại theo từ	Thẻ.
	 2. Đưa ra các ví dụ yêu cầu học sinh đoán nghĩa các cặp từ đồng âm trong các ví dụ ① 01: 한국 사람의 눈은 까매요. 01: 내일 눈이 올 거예요. ② 01: 버스가 한강 다리를 건너고 있어요. 02: 다리가 아파요. ③ 01: 어젯밤에 배가 아팠어요. 02: 제 어머니는 시장에서 밤을 샀어요. ④ 01: 화 씨의 팔이 아파요. 02: 오늘은 손자 팔을 배웠어요. ⑤ 01: 저는 말을 타고 싶습니다. 02: 저는 화 씨의 말을 항상 듣습니다. 3. 연습 3.1. Nối các bức tranh chứa các từ có phát âm giống nhau:	vùng. - Thông qua các ví dụ người học hiểu rõ hơn về các cặp từ đồng âm. - Thông qua hoạt động xác định được mức độ hiểu bài của học sinh	

	     		
	3.2. Điền từ vào câu văn sử dụng các từ vựng đã học trong bài hôm nay.  이 내리네.  을 감으세요.  를 건너가면 집이 나온다.  이 너무 많다.		
	 을 타고 달리고 싶다.  많이 걸어서 가 아프다. 3.3. Chọn từ phù hợp. (1) 강 위에 ()을/를 만들었어요. 화 씨는 ()이/가 아팠어요. ① 책 ② 술 ③ 다리 ④ 손 (2) 오늘은 ()이/가 많이 내렸다. 철수는 ()이/가 아파서 학교에 갈 수가 없어요. ① 밥 ② 눈 ③ 아이 ④ 꽃 (3) ()이/가 아파요. 오늘은 숫자 ()을/를 배웠다. ① 코 ② 팔 ③ 질 ④ 귀 (4) 어제 커피를 여섯 잔 마셨어요. 그래서 ()에 잠을 못 잤어요. 화 씨는 맛있는 ()을/를 샀어요. ① 생일 ② 겨울 ③ 꿀 ④ 밤		
Tổng kết.	- Tổng kết nội dung đã học. - Đưa ra bài tập về nhà.	Xác nhận mức độ hiểu bài của học sinh	

4.2.2. Nội dung giảng dạy cho trình độ trung cấp

Bảng 6. Nội dung giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa cho trình độ trung cấp

		Đối tượng người học	Thời gian
Mục tiêu học tập	- Hiểu về khái niệm từ đồng âm khác nghĩa. - Nắm được các cặp từ đồng âm.	Trình độ trung cấp	1 tiết học (50 phút)
Nội dung học	Hiểu được ý nghĩa của các cặp từ đồng âm: 때, 이상, 풀, 깨다		
	Nội dung và hoạt động dạy và học từ đồng âm.	Phương pháp giảng dạy	
Dẫn nhập	Giáo viên đưa câu hỏi tới học sinh: 샤워할 때 뭐해요? Giáo viên đưa câu văn trên PPT 샤워할 때는 때를 밀어요 Giáo viên dẫn nhập: Trong sơ cấp 1, chúng ta đã được học 때 mang ý nghĩa “khi”, vậy thì liệu có phải từ 때 thứ hai cũng mang nghĩa là “khi”		
Nội dung chính	1. Nhận diện nghĩa của từ đồng âm thông qua các câu ① 샤워할 때는 때를 밀어요. ② 가: 저는 일주일에 네 번 이상 운동해요. 나: 저는 냉장고 이상이 있는지 보고 있어요. 다: 사람은 이상을 가지고 있어야 합니다. ③ 가: 화 씨는 봉투를 풀로 붙입니다. 나: 제 여동생은 풀을 뽑고 있습니다. ④ 가: 청소하다가 그릇을 깼어요. 나: 잠을 자다가 잠이 깼어요. 2. Giáo viên giải thích ý nghĩa 3. Luyện tập a) Tạo lập thành câu văn sử dụng các từ đã cho như theo ví dụ mẫu 보기: 눈: 01: 한국 사람의 눈은 까매요 02: 내일 눈이 올 거예요. 1. 이상. _____ _____ _____ 2. 풀 _____ _____ _____	Nhận diện nghĩa của từ đồng âm thông qua ví dụ.	PPT

	b) Chọn đáp án phù hợp (1) 다음 달에 친구 결혼식이 있어요. 그래서 친구 결혼식 _____ 치마를 샀다. 매일 샤워해도 몸에 _____ 이/가 있다. ① 일 ② 때 ③ 흠 ④ 부모 (2) 봉투를 ()로 붙이다. 학생들이 ()을/를 뽑고 있다. ① 접착제 ② 풀 ③ 물 ④ 나무		
Tổng kết	- Tổng kết nội dung đã học. - Ra bài tập về nhà.	Xác nhận mức độ hiểu bài của học sinh	

4.2.3. Nội dung giảng dạy trình độ cao cấp

Bảng 7. Nội dung giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa cho trình độ cao cấp

		Đối tượng người học	Thời gian
Mục tiêu học tập	- Hiểu về khái niệm từ đồng âm khác nghĩa. - Có thể tìm được các cặp đồng âm khác nghĩa và phân biệt chúng.	Trình độ trung cấp	1 tiết học (50 phút)
Nội dung học	Hiểu được ý nghĩa của các cặp từ đồng âm.		
	Nội dung và hoạt động dạy và học từ đồng âm.	Phương pháp giảng dạy	Tài liệu dạy học
Dẫn nhập	Sử dụng đoạn quảng cáo để bắt đầu hội thoại.  가슴이 뛴다, 올레가 뛴다. Xem đoạn quảng cáo và thử tìm hiểu nghĩa của 2 từ 뛴다 xuất	Tạo ra sự hứng thú, dẫn dắt người học	Video

	hiện.		
Nội dung chính	1. Nhận diện nghĩa của từ đồng âm thông qua các câu tục ngữ ① - 무쇠도 갈면 바늘이 된다. – 못자리는 갈아댈수록 좋다. - Ý nghĩa của câu tục ngữ là gì? - Ý nghĩa của từ 갈다 xuất hiện trong câu tục ngữ là gì? - Giải thích nghĩa của từ 갈다 cho học sinh. 2. Đưa ra các cặp đồng âm trái nghĩa và giải thích 타다, 갈다, 인사, 감상 Luyện tập. 1. Tạo lập thành câu văn sử dụng các từ đã cho như theo ví dụ mẫu 보기: 눈: 01: 한국 사람의 눈은 까매요 02: 내일 눈이 올 거예요. 1. 인사. _____ _____ 2. 갈다. _____ _____ _____ 3. 타다. _____ _____ _____ 4. 감상. _____ _____ _____	Nhận diện nghĩa của từ đồng âm thông qua ví dụ	ppt
Tổng kết (5 phút)	• Tổng kết nội dung đã học. • Giao bài tập về nhà.	Xác nhận mức độ hiểu bài của học sinh	

5. Kết luận

Từ đồng âm khác nghĩa chiếm số lượng khá lớn trong hệ thống từ tiếng Hàn. Trong bài viết này, chúng tôi đã tìm hiểu khái niệm về từ đồng âm trong tiếng Hàn, phân loại từ đồng âm khác nghĩa, đồng thời đưa ra các phương pháp dạy và học từ đồng âm khác nghĩa trong tiếng Hàn cũng như cách thiết kế nội dung bài học, trong đó giới thiệu mô hình học tập theo giai đoạn cho việc dạy - học từ đồng âm khác nghĩa và đưa ra mẫu Sổ tay từ vựng sử dụng trong việc học từ vựng để đạt được hiệu quả học tập tốt nhất.

Chú thích:

¹Lý Kính Hiền (2009), *Nghiên cứu về từ đồng âm Hán Hàn - Hán Việt*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Inha, Hàn Quốc.

²Mai Như Nguyệt (2015), *Nghiên cứu về phương án giáo dục từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Dongguk, Hàn Quốc.

³장효휘, 한국 한자어의 동음이의 양상 연구, 경희대학교 대학원, 석사학위 논문, 2017.

⁴< 웹사이트> 표준국어대사전, <https://stdict.korean.go.kr/main/main.do>

⁵< 웹사이트> 표준국어대사전, <https://stdict.korean.go.kr/main/main.do>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lý Kính Hiền (2009), *Nghiên cứu về từ đồng âm Hán Hàn - Hán Việt*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Inha, Hàn Quốc.
2. Mai Như Nguyệt (2015), *Nghiên cứu về phương án giáo dục từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Dongguk, Hàn Quốc.

Tiếng Hàn Quốc

3. 박진숙(2004), 동음이의어와 다의어 지도방안 연구, 인제대학교 대학원, 석사학위 논문.
4. 손수혜(2018), 고유어 동음이의어의 유형 분류 연구, 공주대학교 대학원, 석사학위 논문.
5. 장효휘(2017), 한국 한자어의 동음이의 양상 연구, 경희대학교 대학원, 석사학위 논문.
6. 장현숙 (2017), 동의어의 효율적인 지도방안, 경희대학교 대학원, 석사학위 논문.
7. 호길(2014), 한국어 고유어 동사 동음이의어 교육 연구, 경희대학교 대학원, 석사학위 논문.
8. 웹사이트: 국립국어원, www.korean.go.kr
9. 웹사이트: 표준국어대사전, <https://stdict.korean.go.kr/main/main.do>.

Research for homonyms in Korean and effective teaching-learning methods

Abstract: This paper delves into homonyms and homophones in Korean. Qualitative approach and meta-analysis are employed in this study to demonstrate homonymy and homophone in Korean. Findings of this research may facilitate Korean language learners learning vocabulary more effectively and suggest efficacious methodologies in teaching homonyms in Korean.

Key words: homonymy; homophone; method of teaching; learning; contrastive analysis.